

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY NAM ĐỊNH**Số: 08/2026/CBTT**

Ninh Bình, ngày 11 tháng 04 năm 2026

*V/v: Công bố thông tin Đại hội đồng cổ
đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ
phần May Nam Định***CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

- Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần May Nam Định**
- Mã chứng khoán: **NJC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu A lô H1+H5, đường Phạm Ngũ Lão, Khu công nghiệp Hòa Xá, Phường Thành Nam, Tỉnh Ninh Bình
- Điện thoại: 0228 3849 038 Fax: 0228 3849 541
- Website: Nagaco.com Email: nganpt@nagaco.com.vn
- Người thực hiện công bố thông tin:
 - Họ và tên: **Phạm Minh Đức** Chức vụ: **Tổng giám đốc**
 - Địa chỉ: Khu A lô H1+H5, đường Phạm Ngũ Lão, Khu công nghiệp Hòa Xá, Phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình
 - Điện thoại: 0228 3849 038 Fax: 0228 3849 541

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần May Nam Định công bố thông tin Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần May Nam Định

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 11/04/2026 tại đường dẫn: Nagaco.com – Mục “Quan hệ cổ đông” – “Đại hội cổ đông”.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Tài liệu đính kèm:

- Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần May Nam Định

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**Tổng giám đốc****Phạm Minh Đức**

BIÊN BẢN KỶ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY NAM ĐỊNH

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY NAM ĐỊNH

Trụ sở chính: Khu A, Lô H1+H5, Đường Phạm Ngũ Lão, KCN Hòa Xá,
Phường Thành Nam, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, số 0600328515 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 03 tháng 01 năm 2004 và Phòng Doanh nghiệp Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình cấp lại lần thứ 10 ngày 17 tháng 11 năm 2025.

Thời gian: Từ 09h00' ÷ 11h00' ngày 11 tháng 04 năm 2026

PHẦN I: KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông và công bố điều kiện tiến hành Đại hội:

- Tổng số cổ đông của Công ty trong danh sách chốt ngày 17/03/2026 là 281 cổ đông, đại diện cho 5.224.917 cổ phần có quyền biểu quyết
- Ông Trương Văn Đạt - Đại diện Ban thẩm tra tư cách cổ đông, công bố kết quả thẩm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ năm 2026, như sau:
- Số lượng cổ đông tham dự Đại hội là 22 cổ đông, đại diện cho 3.936.086 cổ phần, chiếm 75,33 % trên tổng số 5.224.917 cổ phần có quyền biểu quyết, trong đó:
 - Số cổ đông tham dự trực tiếp và đại diện là 21 cổ đông, đại diện cho 3.040.400 cổ phần, chiếm 58,19 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - Số cổ đông được ủy quyền tham dự là 1 cổ đông, đại diện cho 895.686 cổ phần, chiếm 17,14 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Điều lệ Công ty cổ phần May Nam Định ngày 18/11/2025, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đủ điều kiện tiến hành họp theo quy định của pháp luật.

2. Giới thiệu và biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch + Thư ký đoàn và Ban Bầu cử:

- Ban tổ chức đề cử và Đại hội biểu quyết nhất trí đoàn chủ tịch gồm 3 người:
 - + Ông Phạm Văn Tân - Chủ tịch HĐQT Công ty
 - + Ông Phạm Minh Đức - Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty
 - + Ông Bùi Quang Dũng - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty
- Ban tổ chức đề cử và Đại hội biểu quyết nhất trí Thư ký đoàn gồm 2 người:
 - + Bà: Nguyễn Thị Hồng Thắm
 - + Ông: Bùi Thanh Hải
- Ban tổ chức đề cử và Đại hội biểu quyết nhất trí Ban Bầu cử gồm 3 người:

- + Ông: Trương Văn Đạt - Trưởng Ban
- + Ông: Nguyễn Hoàng Minh - Ủy viên
- + Bà: Nguyễn Thị Phương Hoa - Ủy viên

Tại thời điểm biểu quyết, số cổ đông tham dự là 22 cổ đông, đại diện cho 3.936.086 cổ phần, chiếm 75.33 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Đại hội đã nhất trí thông qua thành phần Đoàn chủ tịch, Thư kí đoàn và Ban kiểm phiếu với 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội theo hình thức giơ thẻ biểu quyết.

3. Thông qua Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử

Ông Phạm Văn Tân - Chủ tịch đoàn đề nghị Đại hội thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội và chương trình nghị sự của đại hội.

Tại thời điểm biểu quyết, số cổ đông tham dự là 22 cổ đông, đại diện cho 3.936.086 cổ phần, chiếm 75.33 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Đại hội đã nhất trí thông qua Quy chế làm việc tại đại hội và chương trình nghị sự của đại hội với 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

PHẦN II: CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026

Người báo cáo: Ông Phạm Minh Đức - Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty

(Có chi tiết báo cáo đính kèm)

1.1 Kết quả SXKD năm 2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh 2025/2024
1	Tổng tài sản	Tr.đ	367.055	388.622	409.330	111,51%
2	Doanh thu	Tr.đ	804.895	600.000	661.237	82,15%
3	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	92.380	95.770	100.811	109,13%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	11.897	8.400	12.595	105,87%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	2.460	2.504	2.636	107,15%
6	Cổ tức	%	10	10	15	150%
7	Lao động bình quân	Người	953	960	902	94,65%
8	Thu nhập bình quân	Trđ/ng	10.0	10.0	10.5	105%
9	Đầu tư	Tr.đ	10	29,9	8,1	81%

1.2 Một số chỉ tiêu SXKD chính năm 2026:

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026	So sánh với năm 2025
1	Tổng doanh thu - thu nhập	Trđ	670.000	101,33%
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	17.000	105%
3	Tỷ suất LNTT/VCSH bq	%	16%	100%
4	Tỷ lệ cổ tức	%	15%	150%
5	Vốn chủ sở hữu (bq)	trđ	100.811	100%
6	Vốn điều lệ	trđ	52.249	100%
7	Kim ngạch xuất khẩu hợp đồng	1000 USD	22.115	90%
8	Kim ngạch xuất khẩu tính đủ	1000 USD	22.115	90%
9	Lao động (bq)	Người	960	106%
10	Thu nhập (bq)	Trđ/người/tháng	10.50	100%
11	Tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân	%	102%	102%

2. Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán

Người báo cáo: Bà Phạm Thị Ngân - Kế toán trưởng (Có chi tiết báo cáo đính kèm)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Tổng tài sản	Đồng	409.330.851.696
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	100.811.298.157
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	661.237.394.417
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	16.136.792.621
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	12.595.341.779

3. Báo cáo kiểm tra giám sát năm 2025 và kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2026

Người báo cáo: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương - Trưởng Ban Kiểm soát
(Có chi tiết báo cáo đính kèm)

4. Trình Đại hội nội dung các tờ trình và Đại hội biểu quyết thông qua

4.1 Ông Bùi Quang Dũng - Ủy viên HĐQT, trình Đại hội nội dung các tờ trình:

- Tờ trình số 01: Các vấn đề cần biểu quyết thông qua tại Đại hội
- Tờ trình số 02: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và định hướng kiểm toán năm 2026.
- Tờ trình số 03: Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025
- Tờ trình số 04: Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS
- Tờ trình số 05: Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh.

4.2 Ông Phạm Văn Tân - Chủ tịch HĐQT, đề nghị Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua nội dung các tờ trình từ số 06 đến số 07.

5. Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết

Tại thời điểm biểu quyết, số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự là 22 cổ đông, đại diện cho 3.936.086 cổ phần, chiếm 75.33 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Kết quả biểu quyết cho từng nội dung cụ thể như sau:

5.1 Biểu quyết thông qua Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT ngày 31/03/2026: Các vấn đề cần biểu quyết thông qua tại ĐH

- Thực hiện bằng Thẻ biểu quyết
- 100% cổ đông, đại diện cổ đông dự họp nhất trí các vấn đề cần biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Công ty cổ phần May Nam Định.

5.2 Biểu quyết thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 22 tờ phiếu
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 tờ phiếu
- Số phiếu biểu quyết tán thành là 22 tờ phiếu, đại diện cho 3.936.086 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội
- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

5.3 Biểu quyết thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát năm 2025 và kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2026

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 22 tờ phiếu
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 tờ phiếu
- Số phiếu biểu quyết tán thành là 22 tờ phiếu, đại diện cho 3.936.086 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội
- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

5.4 Biểu quyết thông qua tờ trình số 02/2022/TTr-HĐQT ngày 21/03/2026: Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và định hướng kiểm toán năm 2026.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 22 tờ phiếu
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 tờ phiếu

- Số phiếu biểu quyết tán thành là 22 tờ phiếu, đại diện cho 3.936.086 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

5.5 Biểu quyết thông qua tờ trình số 03/2026/TTr-HĐQT ngày 21/03/2026: Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 22 tờ phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 tờ phiếu

- Số phiếu biểu quyết tán thành là 22 tờ phiếu, đại diện cho 3.936.086 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

5.6 Biểu quyết thông qua tờ trình số 04/2026/TTr-HĐQT ngày 21/03/2026: Chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 22 tờ phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 tờ phiếu

- Số phiếu biểu quyết tán thành là 22 tờ phiếu, đại diện cho 3.936.086 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

5.7 Biểu quyết thông qua tờ trình số 05/2026/TTr-HĐQT ngày 21/03/2026: Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 22 tờ phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 tờ phiếu

- Số phiếu biểu quyết tán thành là 22 tờ phiếu, đại diện cho 3.936.086 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

5.8 Biểu quyết thông qua tờ trình số 06/2026/TTr-HĐQT ngày 31/03/2026: V/v miễn nhiệm 1 thành viên BKS và bầu bổ sung 1 thành viên Ban Kiểm soát, nhiệm kỳ 2024-2029

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 22 tờ phiếu

1851
3 T
H
A
Y
Đ
I
N
T

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 tờ phiếu
- Số phiếu biểu quyết tán thành là 22 tờ phiếu, đại diện cho 3.936.086 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội
- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

5.9 Biểu quyết thông qua tờ trình số 07/2026/TTr-HĐQT ngày 11/04/2026: Giới thiệu nhân sự bầu bổ sung 1 thành viên BKS

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 22 tờ phiếu
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 tờ phiếu
- Số phiếu biểu quyết tán thành là 22 tờ phiếu, đại diện cho 3.936.086 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội
- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội

6. Ban Bầu cử công bố kết quả bầu cử bổ sung 1 thành viên BKS nhiệm kỳ 2024-2029

- Danh sách đề cử: Bà Hà Phương Chi
- Danh sách ứng cử: Không
- Kết quả: Bà Hà Phương Chi đã trúng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2024-2029 Số phiếu bầu cử nhận được 22 tờ phiếu, đạt tỷ lệ 100 % tổng số phiếu bầu cử dự họp và tham gia bầu cử tại thời điểm Đại hội tổ chức bầu cử.

PHẦN III: THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm, thay mặt thư ký đoàn trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
- Ông Phạm Văn Tân, thay mặt cho Đoàn chủ tịch đề nghị Đại hội biểu quyết thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
 - 100% cổ đông, đại diện cổ đông dự Đại hội nhất trí thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần May Nam Định.
 - Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉ đạo và quyết định tất cả các vấn đề liên quan trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 sẽ được công bố trên website của Công ty cổ phần May Nam Định để thông báo đến toàn thể cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

Biên bản này được lập xong hồi 11h15' ngày 11/04/2026

Đại hội kết thúc lúc 11h30' cùng ngày.

TM. THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Thị Hồng Thắm

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH



Phạm Văn Tân



Ninh Bình, ngày 21 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2025,
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026**

I. Đánh giá về hoạt động của HĐQT năm 2025

1. Tình hình chung và những điểm nổi bật:

Các thành viên của HĐQT tham gia công tác điều hành hành hoạt động của HĐQT năm 2025 bao gồm các ông/bà sau:

1. Ông Phạm Văn Tân - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Phạm Minh Đức - Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm Tổng giám đốc
3. Ông Bùi Quang Dũng - Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm Phó Tổng giám đốc

Năm 2025, ngành dệt may Việt Nam tiếp tục phục hồi với kim ngạch xuất khẩu ước đạt khoảng 46 tỷ USD, tăng khoảng 5–6% so với năm 2024, duy trì vai trò là ngành xuất khẩu chủ lực của nền kinh tế.

Bối cảnh vĩ mô theo International Monetary Fund (IMF) cho thấy tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2025 đạt khoảng 6,5%, trong khi tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ khoảng 3,2%, phản ánh nhu cầu tiêu dùng thế giới phục hồi chậm. Lạm phát toàn cầu duy trì ở mức khoảng 4–5%, tiếp tục ảnh hưởng đến sức mua tại các thị trường lớn như Mỹ và EU.

Hoạt động thương mại quốc tế phục hồi nhưng chưa bền vững, khiến các ngành xuất khẩu, trong đó có dệt may, chịu tác động trực tiếp từ biến động cầu bên ngoài.

Về thuận lợi, ngành được hỗ trợ bởi sự phục hồi đơn hàng từ cuối năm 2024, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng khỏi Trung Quốc, cùng với lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (EVFTA, CPTPP, RCEP). Doanh nghiệp từng bước chuyển dịch sang sản phẩm có giá trị gia tăng cao và sản xuất theo hướng xanh, bền vững.

Tuy nhiên, ngành đối mặt nhiều khó khăn đáng kể. Nhu cầu tiêu dùng toàn cầu phục hồi chậm khiến giá đơn hàng thấp, biên lợi nhuận bị thu hẹp. Rủi ro từ chính sách thương mại, đặc biệt tại thị trường Mỹ, tiếp tục gia tăng. Cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt từ Bangladesh, Ấn Độ và các quốc gia chi phí thấp.

Bên cạnh đó, ngành vẫn phụ thuộc lớn vào nguyên phụ liệu nhập khẩu, gây khó khăn trong đáp ứng quy tắc xuất xứ và làm gia tăng rủi ro chuỗi cung ứng. Các yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường, phát thải và truy xuất nguồn gốc ngày càng khắt khe cũng làm tăng chi phí đầu tư của doanh nghiệp.

Nhìn chung, năm 2025 là năm ngành dệt may duy trì tăng trưởng nhưng còn nhiều thách thức. Triển vọng trung hạn phụ thuộc vào khả năng thích ứng của doanh nghiệp trong việc đa dạng hóa thị trường, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, chuyển đổi xanh và nâng cấp chuỗi giá trị.

Đối với Công ty CP may Nam Định, mặc dù năm 2025 có nhiều thách thức, công ty hết sức nỗ lực với doanh thu đạt 661 tỷ đồng bằng 82.15% so với năm 2024, lợi nhuận sau thuế đạt

12.6 tỷ đồng bằng 105.87 % so với năm 2024.

2. Tình hình hoạt động của HĐQT

2.1 Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty, hàng năm HĐQT đã phê duyệt và chỉ đạo tổ chức triển khai kế hoạch SXKD hàng tháng, hàng quý và cả năm với kết quả là tất cả các chỉ tiêu đều hoàn thành và vượt so theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2.2 Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý:

Thực hiện chức năng của cơ quan có toàn quyền quản lý và giám sát mọi hoạt động của của Công ty, hàng năm HĐQT đều đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất, luôn bám sát tình hình SXKD, chỉ đạo thực hiện các quyết định đã ban hành, phân công cụ thể cho từng thành viên phụ trách các mảng công việc nhằm kịp thời chỉ đạo, giải quyết các khó khăn vướng mắc để công tác SXKD diễn ra thuận lợi và hiệu quả.

2.3 Thực hiện kế hoạch hoạt động trong nhiệm vụ năm 2025:

- Về công tác kiểm tra giám sát:

HĐQT thực hiện chức năng giám sát theo 2 hình thức bao gồm giám sát trực tiếp và giám sát thông qua các báo cáo định kỳ của Tổng giám đốc, người đại diện về tình hình hoạt động của công ty cũng như các đơn vị mà công ty góp vốn. Ngoài ra HĐQT còn phối hợp với Ban kiểm soát để thực hiện việc giám sát hoạt động chung của công ty.

- Về quản trị tổ chức doanh nghiệp, tổ chức sản xuất:

+ Tiếp tục đa dạng hoá thị trường, đã mở rộng thị trường với các khách hàng là end buyer ngoài Mỹ, bao gồm: Úc, Canada và Mexico

+ Rà soát, loại bỏ các khách hàng không hiệu quả, thời gian thanh toán lâu, có vấn đề về tài chính

+ Thử nghiệm sản xuất một số mặt hàng khác, không phải quần áo: chăn, travel kit

+ Thử nghiệm mô hình agent, chia sẻ lợi nhuận, nâng cao khả năng kinh doanh, mở rộng quy mô SX mà không cần phải đầu tư quá nhiều

+ Phần mềm ERP đang triển khai đúng tiến độ, module lõi (quản lý đơn hàng, giá và nhà cung cấp đang triển khai version 2.0, đang thử nghiệm phiên bản mobile), module nhân sự và quản lý sx đang chuẩn bị đưa vào chạy thử

+ Đẩy mạnh ứng dụng AI vào các hoạt động điều hành, kinh doanh, marketing và truyền thông

- Về công tác quản lý đầu tư:

+ Thực hiện xong Phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, nâng vốn điều lệ công ty từ 47.5 tỷ lên 52.2 tỷ

+ Năm 2025 Công ty đã đầu tư trên 8.1 tỷ đồng để bổ sung máy móc thiết bị tự động cho các xí nghiệp.

+ Hoàn thành giấy phép XD đối với dự án Nagaco Quỳnh Lưu. Triển khai san lấp, xây dựng tường rào ngay khi đủ điều kiện.

+ HĐQT thực hiện đầy đủ quyền của chủ sở hữu phần vốn tại các đơn vị có vốn góp của

công ty theo đúng quy định của pháp luật.

- Về quan hệ cổ đông, nhà đầu tư:

+ HĐQT chỉ đạo cung cấp các thông tin liên quan đầy đủ, minh bạch theo quy định của pháp luật, thực hiện chế độ báo cáo, giải trình, công bố thông tin định kỳ theo đúng yêu cầu của pháp luật.

+ HĐQT cũng đã chỉ đạo đáp ứng các điều kiện tốt nhất để các cổ đông thực hiện quyền của mình đầy đủ theo quy định như quyền tham dự và biểu quyết tại đại hội, quyền nhận cổ tức, tiếp cận thông tin và các quyền lợi khác của cổ đông theo đúng điều lệ và pháp luật hiện hành.

2.4 Kết quả đã đạt được:

HĐQT đánh giá năm 2025 tuy là năm hết sức khó khăn của công ty nhưng mọi người đã hết sức nỗ lực để duy trì động lực sản xuất làm tiền đề cho năm 2026:

- Khâu chuẩn bị và tổ chức sản xuất đã được cải thiện, tình trạng sản xuất phải chờ đợi do các yếu tố chủ quan đã giảm.

- Có những thời điểm phải chuyển đổi đơn hàng liên tục tuy nhiên doanh thu CM bình quân vẫn duy trì ở mức 40 USD/người/ngày bằng 120% so với năm 2024. Doanh thu 2025 doanh thu đạt 661 tỷ đồng bằng 82.15% so với năm 2024.

- Các chế độ phúc lợi của người lao động được đảm bảo, thu nhập bình quân của người lao động đạt 10,5 triệu đồng/người/tháng, áp dụng chế độ lương theo doanh thu cho tất cả các cấp bậc từ nhân viên cho tới quản lý; số lao động bình quân của công ty năm 2025 là 902 lao động

- Hệ thống quản trị nội bộ, quản lý chất lượng đáp ứng được yêu cầu của nhiều khách hàng khác nhau.

- Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, các chính sách về lương bổng, phúc lợi được cải thiện theo hướng minh bạch và công bằng tuân thủ đúng theo quy định pháp luật.

- Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng quy định, hài hòa các nghĩa vụ/ lợi ích đối với nhà nước, chủ sở hữu, các bên liên quan. Chăm lo tốt đời sống người lao động và có trách nhiệm với cộng đồng.

- Căn cứ vào các quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tình hình thực tế, HĐQT đã phê duyệt và chỉ đạo tổ chức triển khai kế hoạch hàng năm. HĐQT đã sát cánh cùng Ban điều hành đề ra chương trình hành động và những giải pháp phù hợp để giữ chân người lao động, mở rộng thị trường, thúc đẩy sản xuất. Kết thúc năm 2025, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu đã được ĐHCĐ giao, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện 2025	So sánh 2025/ 2024
1	Tổng tài sản	Tr.đ	367,055	388,622	409,330	111.51%
2	Doanh thu	Tr.đ	804,895	600,000	661,237	82.15%
3	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	92,380	95,770	100,811	109.13%

4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	11,897	8,400	12,595	105.87%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	2,460	2,504	2,636	107.15%
6	Cổ tức	%	10	10	15	150%
7	Lao động bình quân	Người	953	960	902	94.65%
8	Thu nhập bình quân	Trđ/ng	10.0	10.0	10.5	105%
9	Đầu tư	Tỷ đồng	10	29,9	8,1	81%

2.5 Về hoạt động của HĐQT năm 2025:

- Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành điều hành các hoạt động SXKD của Công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- HĐQT đánh giá các hoạt động trong nhiệm kỳ là đúng thẩm quyền, chủ động và hiệu quả, thể hiện đúng vai trò là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý cao nhất của Công ty, tập thể HĐQT luôn đoàn kết, có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, các thành viên làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

2.6 Về hoạt động của Ban điều hành năm 2025:

HĐQT đồng ý với kế hoạch SXKD do Ban điều hành xây dựng và đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực của của Ban điều hành, thể hiện qua các mặt sau:

- Quản trị khách hàng và quản trị hoạt động tốt;
- Nhân sự ổn định và quan tâm tới đời sống người lao động;
- Đảm bảo được công tác tìm kiếm khách hàng, đơn hàng, đảm bảo công ăn việc làm cho CBCNV, từng bước thích ứng và nâng dần hiệu quả của các đơn hàng.
- Mở rộng thêm thị trường của các đơn hàng FOB tại EU, Australia, Mexico để tránh phụ thuộc vào thị trường Mỹ, liên tục rà soát và đánh giá lại khách hàng và các đơn hàng có hiệu quả thấp.
- Linh hoạt trong công tác điều hành, linh hoạt điều chỉnh các dự án đầu tư bám sát diễn biến của thị trường;
- Tiếp tục duy trì được mạng lưới cơ sở vệ tinh bù đắp cho sự thiếu hụt về lao động, đảm bảo chỉ tiêu doanh thu;
- Từng bước cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy, chủ động đề xuất các chính sách nhằm tháo gỡ những khó khăn;

Bên cạnh những mặt đã làm được, trong công tác điều hành vẫn còn có một số hạn chế thể hiện ở các mặt sau:

- KHSX hạn chế, xảy ra tình trạng lười ngày giao hàng
- Chưa chủ động giải quyết kịp thời vấn đề cho sản xuất
- Số lượng lao động sụt giảm

- Chất lượng báo cáo chưa cao và chưa có tính kịp thời
- Nghiên cứu mẫu, chuẩn bị sản xuất chưa triệt để, gây khó khăn cho dây chuyền
- Làm việc theo tư duy né tránh trách nhiệm

Để giải quyết các tồn tại nói trên, HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các giải pháp sau:

- Tiếp tục tái cơ cấu các đơn hàng FOB, tránh phụ thuộc vào một thị trường, đặc biệt chú trọng đến việc phát triển thị trường mới như Úc, Mexico
- Tiếp tục các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm cho CBCNV đặc biệt là cấp quản lý từ tổ sản xuất;
- Cải thiện chất lượng khâu chuẩn bị sản xuất, rút ngắn thời gian chuẩn bị sản xuất, thời gian may mẫu và chất lượng may mẫu; áp dụng triệt để ke cữ giá lắp, phân tích đường chuyên để tăng năng suất lao động.
- Tiếp tục cải tiến chế phân phối thu nhập, kiên quyết giảm giờ làm thêm nhằm thu hút và giữ chân người lao động có trình độ chuyên môn tốt, động viên kịp thời những lao động có sáng kiến cải tiến nhằm nâng cao năng suất lao động.
- Tiếp tục rà soát các chi phí bất hợp lý, cắt giảm tối đa các chi phí không cần thiết bao gồm chi phí nguyên nhiên phụ liệu, logistics, văn phòng phẩm,...

II. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2026:

Năm 2026 tiếp tục là một năm diễn biến rất bất thường, cuộc chiến ở Ucraina chưa có dấu hiệu hạ nhiệt và chiến sự tiếp tục leo thang tại Iran làm giá dầu thế giới tăng đột biến và gián đoạn nguồn cung năng lượng toàn cầu, kéo theo việc các tuyến vận tải biển chiến lược bị đình trệ, một số cơ sở khai thác và chế biến dầu, khí đốt tại vùng Vịnh bị tấn công, chi phí logistics và bảo hiểm hàng hải tăng mạnh. Hệ quả là giá nhiều loại hàng hóa đầu vào đồng loạt leo thang. Đối với Việt Nam – quốc gia vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguồn xăng dầu nhập khẩu – những biến động này sẽ gây áp lực lớn lên chi phí sản xuất, lạm phát và toàn bộ nền kinh tế.

Dự báo tình hình thị trường 2026:

- Năm 2026, ngành dệt may Việt Nam duy trì đà tăng trưởng nhưng với tốc độ chậm lại, kim ngạch xuất khẩu dự kiến đạt khoảng 49–50 tỷ USD, tăng 6–8% so với năm 2025.
- Tổng cầu dệt may thế giới chỉ tăng khoảng 3%, phản ánh xu hướng phục hồi nhưng chưa bền vững.
- Thị trường cạnh tranh gay gắt, đơn hàng có xu hướng nhỏ lẻ, thời gian giao hàng ngắn và yêu cầu cao hơn về chất lượng, truy xuất nguồn gốc.
- Giá bán sản phẩm cơ bản không tăng trong khi chi phí đầu vào, đặc biệt là lao động và năng lượng, nguyên phụ liệu, logistics, lãi vay tiếp tục gia tăng, làm thu hẹp thêm biên lợi nhuận.
- Các đối thủ như Bangladesh, Ấn Độ duy trì lợi thế về chi phí, gia tăng áp lực cạnh tranh.
- Bên cạnh đó, các yêu cầu về sản xuất xanh, phát thải thấp ngày càng khắt khe tại các thị trường xuất khẩu lớn. Tuy vậy, ngành vẫn hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do và xu hướng dịch chuyển đơn hàng.

Để đảm bảo hiệu quả của việc lãnh đạo, chỉ đạo của HĐQT đối với toàn bộ hoạt động của Công ty nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó, trên cơ sở tình hình thực tế sản xuất kinh doanh, HĐQT đề ra chương trình công tác nhiệm kỳ 2026 cụ thể như sau:

- Thành lập bộ phận Design chuyên nghiệp, kết nối trực tiếp với khách hàng, cung cấp các dịch vụ mini collection, hướng tới mô hình kinh doanh DDP và OEM
- Tiếp tục mở rộng thị trường nhưng đi kèm với chọn lọc khách hàng (ưu tiên end buyer, tập trung vào thị trường outdoor, workwear, techwear, hạn chế khách hàng nhỏ lẻ)
- Mở rộng năng lực phát triển mẫu, công nghệ thiết kế mẫu
- Đầu tư MMTB chuyên dùng, nâng cao năng suất lao động, hạn chế phụ thuộc vào số lượng và chất lượng tay nghề
- Phần mềm ERP đang triển khai đúng tiến độ, module lõi (quản lý đơn hàng, giá và nhà cung cấp đang triển khai version 2.0, đang thử nghiệm phiên bản mobile), module nhân sự và quản lý sx đang chuẩn bị đưa vào chạy thử.
- Tích hợp sâu AI vào các hoạt động điều hành, kinh doanh, marketing và truyền thông
- Nâng cao chất lượng nhân sự, quy hoạch từ sớm các nhân sự có năng lực
- Điều chỉnh mức thu nhập cho các bộ phận thuộc Khối phục vụ, các phòng ban chức năng
- Khởi công và đưa vào vận hành nhà máy Nagaco Quỳnh Lưu
- Triển khai, đưa vào hoạt động chính thức một số lĩnh vực kinh doanh mới: kho bãi, CNTT và thời trang nội địa
- Tăng vốn điều lệ, phát hành cổ phiếu cho đối tác chiến lược (ưu tiên khách hàng lâu năm, có năng lực hỗ trợ mở rộng kinh doanh/thị trường)
- Cải tạo xí nghiệp Xuân Trường, mở rộng diện tích cho các khu vực cắt và hoàn thành.

Một số chỉ tiêu SXKD chính năm 2026:

	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026	So sánh với năm 2025
1	Tổng doanh thu – thu nhập	Trđ	670,000	101.33%
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	17,000	105%
3	Tỷ suất LNTT/VCSH bq	%	16%	100%
4	Tỷ lệ cổ tức	%	15%	150%
5	Vốn chủ sở hữu (bq)	trđ	100,811	100%
6	Vốn điều lệ	trđ	52,249	100%
7	Kim ngạch xuất khẩu hợp đồng	1000 USD	22,115	90%

	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026	So sánh với năm 2025
8	Kim ngạch xuất khẩu tính đủ	1000 USD	22,115	90%
9	Lao động (bq)	Người	960	106%
10	Thu nhập (bq)	Trđ/người/tháng	10.50	100%
11	Tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân	%	102%	102%

Trân trọng./.

Nơi nhận:

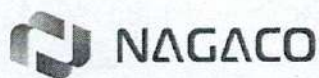
- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban kiểm soát;
- Ban điều hành;
- Tập đoàn DMVN;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Tân





CÔNG TY CP MAY NAM ĐỊNH
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày 21 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TRA GIÁM SÁT
CÔNG TY CP MAY NAM ĐỊNH NĂM 2025

Kính thưa: Quý vị cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nam Định quy định về chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Căn cứ báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty,
Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình và kết quả hoạt động của BKS năm 2025 như sau:

I. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2025

1. Kết quả kinh doanh năm 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025		So sánh	
			KH	TH	TH/KH	2025/2024
1	Doanh thu	804,895	600,000	661,237	110.3%	82.0%
2	Lợi nhuận sau thuế	11,900	8,400	12,595	150.0%	105.9%
3	Tỷ lệ cổ tức	10%	10%			
4	Lao động bình quân	955	960	902	94.0%	94.5%
5	Thu nhập bình quân (tr.đồng/người/tháng)	10	10	10.5	105.0%	105.0%

Doanh thu năm 2025 đạt 661.5 tỷ, giảm 18,0% so với năm 2024 và vượt 10,3% so với kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế đạt 12,6 tỷ đồng, tăng 5,9% so với năm 2024, và vượt kế hoạch 50% .

Tỷ lệ cổ tức duy trì mức 10% phù hợp với kế hoạch và năm trước, đảm bảo lợi ích ổn định cho cổ đông.

Lao động và thu nhập bình quân giảm nhẹ (902 người so với 955 người năm 2024) thu nhập bình quân tăng 5,5%, điều này cho thấy công ty tối ưu hóa nguồn nhân lực và duy trì chính sách đãi ngộ tốt.

Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty có sự giảm về doanh thu nhưng tăng trưởng lợi nhuận trong bối cảnh ngành dệt may đầy biến động và khó khăn. Doanh thu giảm và lợi nhuận tăng là minh chứng cho sự điều hành hiệu quả và chiến lược kinh doanh đúng đắn của Ban điều hành.

2. Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025

Công ty đã thực hiện đầy đủ việc trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng phúc lợi; Thương HDQT, Ban Điều hành và hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.

3. Tăng vốn điều lệ :

Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 47,5 tỷ đồng lên 51,2 tỷ đồng từ tháng 11/2025 bằng kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024.

4. Công bố thông tin theo quy định về pháp luật chứng khoán

Công ty Cổ phần May Nam Định đã đăng tải kịp thời các thông tin phải công bố theo pháp luật về chứng khoán theo quy định

5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính

a. Về hoạt động của HDQT, Ban điều hành

HDQT và Ban điều hành công ty đã nghiêm túc triển khai, thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tổ chức họp định kỳ đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty. Các nghị quyết, quyết định được ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền.

Ban Kiểm soát ghi nhận những nỗ lực, cố gắng của HDQT và Ban điều hành trong việc nhận định thị trường, tìm kiếm phát triển ngành hàng mới, khách hàng mới, cải tiến quy trình sản xuất... nhằm thực hiện các quyết nghị của ĐHĐCĐ và của HDQT.

b. Về kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

+ Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần. Báo cáo phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31/12/2025.

+ Về tình hình tài chính

Cơ cấu và sự biến động của tài sản và nguồn vốn cũng như tình hình tài chính thể hiện trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tài sản	31/12/2024	31/12/2025	So sánh 2024 với 2025	Tỷ trọng	
					2024	2025
A	Tài sản ngắn hạn	283,454	347,100	22.5%	77.2%	84.8%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	33,515	22,600	-32.6%	9.1%	5.5%
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	16,000	15,000	-6.3%	4.4%	3.7%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	110,415	148,527	34.5%	30.1%	36.3%
IV	Hàng tồn kho	119,417	153,206	28.3%	32.5%	37.4%
V	Tài sản ngắn hạn khác	4,107	7,767	89.1%	1.1%	1.9%
B	Tài sản dài hạn	83,601	62,230	-25.6%	22.8%	15.2%
I	Các khoản phải thu dài hạn	20,885	5,558	-73.4%	5.7%	1.4%
II	Tài sản cố định	35,649	29,053	-18.5%	9.7%	7.1%
III	Bất động sản đầu tư				0.0%	0.0%
IV	tài sản dở dang dài hạn	6,539	6,950	6.3%	1.8%	1.7%
V	các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9,000	10,101	12.2%	2.5%	2.5%
VI	Tài sản dài hạn khác	11,528	10,568	-8.3%	3.1%	2.6%
	TỔNG TÀI SẢN	367,055	409,330	11.5%	100.0%	100.0%
C	Nợ phải trả	274,675	308,519	12.3%	74.8%	75.4%
I	Nợ ngắn hạn	236,209	280,155	18.6%	64.4%	68.4%
II	Nợ dài hạn	38,466	28,364	-26.3%	10.5%	6.9%
D	Vốn chủ sở hữu	92,380	100,811	9.1%	25.2%	24.6%
I	Vốn chủ sở hữu	92,380	100,811	9.1%	25%	25%

II	Nguồn kinh phí và quỹ khác				0%	0%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		367,055	409,330	11.5%	100%	100%

- Tổng tài sản tăng trưởng tăng 11,5% chiếm 84,8% tổng tài sản, chủ yếu nhờ tài sản ngắn hạn tăng mạnh, tuy nhiên phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho tăng trong khi doanh thu giảm cho thấy áp lực vốn lưu động lớn. Tiền mặt giảm, tỷ lệ nợ/Tổng tài sản tăng nhẹ, thanh khoản ngắn hạn vẫn ở mức chấp nhận được (~1.24) cần được theo dõi chặt chẽ rủi ro dòng tiền.

Lãnh đạo công ty đã kiểm soát tốt chi phí, giúp lợi nhuận tăng dù doanh thu giảm. Cơ cấu tài chính có chuyển biến nhưng vẫn tồn tại rủi ro về vòng quay vốn lưu động và áp lực nợ ngắn hạn.

+ Hoạt động của BKS và giải đáp các yêu cầu từ cổ đông

Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, định kỳ trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động và kết quả sxkd, thống nhất nội dung báo cáo hoạt động của BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong năm 2025 Ban Kiểm soát không nhận được thư phản ánh, yêu cầu kiểm tra nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.

6. Một số kiến nghị của Ban Kiểm soát

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ công nợ phải thu và hàng tồn kho, xây dựng kế hoạch cụ thể giảm dần tồn kho và thu hồi nợ nhằm hạn chế rủi ro về dòng tiền.
- Nghiên cứu triển khai công tác đầu tư mở rộng - theo hướng “đầu tư xanh”, (thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng) để đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của hãng thời trang lớn cũng như các yêu cầu về kinh tế tuần hoàn của EU.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025, Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nhân đây, chúng tôi xin trân thành cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của Quý vị cổ đông, sự hỗ trợ và tạo điều kiện của HĐQT, Ban điều hành Công ty dành cho

chúng tôi. Thay mặt Ban kiểm soát, kính chúc quý vị cổ đông sức khỏe và thành công, chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT;
- Ban Điều hành;
- Thành viên BKS, Kế toán trưởng;
- Lưu BKS.





**CÔNG TY
CỔ PHẦN MAY NAM ĐỊNH**

Số: 01/2026/TTr-HĐQT
V/v Thông qua danh sách các vấn đề
cần biểu quyết tại đại hội

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Bình, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần May Nam Định**

- Căn cứ vào Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần May Nam Định, có hiệu lực từ ngày 18/11/2025.

HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2026, như sau:

1. Báo cáo về hoạt động của HĐQT, BĐH năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.
2. Báo cáo kiểm tra giám sát năm 2025 và kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2026 của Ban Kiểm soát.
3. Tờ trình số 02, về việc thông qua Báo cáo tài chính 2025 và định hướng kiểm toán năm 2026.
4. Tờ trình số 03, về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025.
5. Tờ trình số 04, về việc chi trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát.
6. Tờ trình số 05, về việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh
7. Tờ trình số 06, về việc miễn nhiệm 1 thành viên Ban Kiểm soát và bầu bổ sung 1 thành viên Ban Kiểm soát, nhiệm kỳ 2024 - 2029
8. Tờ trình số 07, về việc giới thiệu nhân sự để bầu bổ sung 1 thành viên BKS

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, phê duyệt.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS.
- Lưu: TK, TC-KT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Phạm Văn Tân

**CÔNG TY
CỔ PHẦN MAY NAM ĐỊNH**

Số: 02/2026/TTr-HĐQT
(V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2025
và định hướng kiểm toán năm 2026)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Bình, ngày 21 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần May Nam Định.**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần May Nam Định, có hiệu lực từ ngày 18/11/2025.
Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty, đã được kiểm toán.

Ngày 21/03/2026, HĐQT Công ty đã họp và thống nhất trình ĐHĐCĐ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, với nội dung sau:

I. Báo cáo tài chính 2025 đã được kiểm toán

1. Đơn vị thực hiện kiểm toán:

- Tên đơn vị: Công ty TNHH Kiểm toán An Việt - Chi nhánh Hải Phòng
- Địa chỉ: Số 12A khu BH06 - ô số 13 lô OTM-1, khu đô thị Vinhomes Imperia,
Phường Hồng Bàng, TP Hải Phòng, Việt Nam

2. Đề xuất thông qua Báo cáo tài chính 2025:

Báo cáo tài chính 2025 đã được Công ty TNHH kiểm toán An Việt lập theo đúng quy định và thông qua ngày 21/03/2026 bao gồm những nội dung sau:

- Báo cáo của Ban điều hành.
- Báo cáo kiểm toán độc lập.
- Bảng cân đối kế toán kết thúc 31/12/2025
- Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD kết thúc 31/12/2025
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kết thúc 31/12/2025
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

II. Định hướng kiểm toán 2026

Năm 2026 Công ty tiếp tục lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán An Việt là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, phê duyệt.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: KT, TC-KT

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY NAM ĐỊNH
Phạm Văn Tân

**CÔNG TY
CỔ PHẦN MAY NAM ĐỊNH**

Số: 03/2026/TTr-HĐQT
(V/v phương án phân phối lợi nhuận,
trích lập các quỹ năm 2025)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Bình, ngày 21 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông-
Công ty Cổ phần May Nam Định**

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần May Nam Định, có hiệu lực từ ngày 18/11/2025.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty, đã được kiểm toán

HĐQT Công ty xin kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận,
trích lập các quỹ năm 2025 như sau:

TT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền
I	Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025		
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2025		16.136.792.621
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành		3.984.654.838
3	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-443.203.996
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025	I.4 = I.1-I.2-I.3	12.595.341.779
II	Phân phối Lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025		10.356.443.856
1	Quỹ Đầu tư phát triển (0%)		
2	Quỹ khen thưởng (10%)	II.1=I.4 x (10%)	1.259.534.178
3	Quỹ phúc lợi (10%)	II.1=I.4 x (10%)	1.259.534.178
4	Chi cổ tức (15%), vốn điều lệ	II.3 = VDL x 15%	7.837.375.500
III	Lợi nhuận còn lại năm 2025	III = I.4-(1+2+3)	2.238.897.923

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, phê duyệt.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: KT, TC-KT

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Phạm Văn Tân

**CÔNG TY
CỔ PHẦN MAY NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2026/TTr-HĐQT
V/v chi trả thù lao của HĐQT và BKS

Ninh Bình, ngày 21 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần May Nam Định**

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần May Nam Định, có hiệu lực từ ngày 18/11/2025.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty, đã được kiểm toán.

HĐQT xin báo cáo và kính trình ĐHĐCĐ về tình hình thu nhập của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và Ban giám đốc công ty

I. Thu nhập của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2025

1. Thù lao của HĐQT, BKS 2025 là 5 % lợi nhuận sau thuế, theo đó tổng lợi nhuận sau thuế năm 2025 là : 12.595.341.779 đồng \times 5% = 629.767.089 đồng
2. Trong đó đã chi trong năm 2025
 - Thù lao của HĐQT là: 540.000.000 đồng

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số tiền
1	Phạm Văn Tân	CT HĐQT	240.000.000
2	Phạm Minh Đức	Tổng Giám Đốc/ TVHĐQT	180.000.000
3	Bùi Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc/ TVHĐQT	120.000.000
	Cộng		540.000.000

- Thù lao của Ban Kiểm soát: 84.000.000 đồng

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số tiền
1	Nguyễn Thị Hiền Lương	Trưởng BKS	36.000.000
2	Nguyễn Thị Nga	Ủy viên BKS	24.000.000
3	Vũ Thị Đào	Ủy Viên BKS	24.000.000
	Cộng		84.000.000

II. Dự kiến mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026

Dự kiến mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2026 khoảng từ 5% -10% lợi nhuận sau thuế.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, phê duyệt.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS.
- Lưu: TK, TC-KT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Phạm Văn Tân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY NAM ĐỊNH**

Số: 05/2026/TTr- HDQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ninh Bình, ngày 21 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: *Bổ sung các ngành, nghề kinh doanh
của Công ty Cổ phần May Nam Định*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ vào Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần May Nam Định

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung các ngành, nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần May Nam Định, cụ thể như sau:

1. Bổ sung các ngành, nghề kinh doanh của Công ty Cổ May Nam Định như sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Xuất bản phần mềm khác	5829
2	Lập trình máy tính khác	6219
3	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính	6220
4	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác	6290
5	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	6310
6	Chuyển phát	5320
7	Hoạt động dịch vụ trung gian cho hoạt động bưu chính và chuyển phát	5330
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
9	Giáo dục tiểu học	8521
10	Giáo dục trung học cơ sở	8522
11	Giáo dục trung học phổ thông	8523
12	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559

13	Ký túc xá học sinh, sinh viên	5590
----	-------------------------------	------

2. Lý do bổ sung

Việc bổ sung các ngành, nghề trên là để tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty phát triển các hạng mục đầu tư và kinh doanh mới triển vọng.

3. Triển khai thực hiện:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị của Công ty tổ chức thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan để thực hiện việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định pháp luật và tiến hành sửa đổi, cập nhật tại khoản 2 Điều 4 Điều lệ Công ty Cổ phần May Nam Định để ghi nhận việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty như trình bày ở trên. Trong trường hợp có sự thay đổi quy định về mã ngành nghề kinh tế và yêu cầu từ phía Cơ quan có thẩm quyền, ĐHQCD ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc cập nhật mã ngành nghề phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận :

- ĐHQCD;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK HĐQT

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Tân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY NAM ĐỊNH**

Số: 06/2026/TTr- HĐQT
V/v miễn nhiệm 1 thành viên BKS
và bầu bổ sung 1 thành viên BKS.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Bình, ngày 31 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v: Miễn nhiệm 1 thành viên Ban Kiểm soát
và bầu bổ sung 1 thành viên Ban Kiểm soát, nhiệm kỳ 2024-2029**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Công ty Cổ phần May Nam Định đã nhận được Đơn từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029 Công ty Cổ phần May Nam Định của bà Nguyễn Thị Nga ngày 30/03/2026.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần May Nam Định;
- Căn cứ vào Đơn từ nhiệm của bà Nguyễn Thị Nga Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần may Nam Định ngày 31/03/2026

Để đảm bảo cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần May Nam Định theo quy định, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May Nam Định kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029, cụ thể như sau:

+ Chấp thuận việc miễn nhiệm tư cách thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029 của bà Nguyễn Thị Nga theo nguyện vọng.

+ Đề nghị Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung 01 thành viên thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- ĐHĐCĐ ;
- HĐQT, BKS ;
- Lưu VT, TK HĐQT

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Tân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY NAM ĐỊNH**

Số: 07/2026/TTr- HĐQT
V/v Giới thiệu nhân sự bầu bổ sung
1 thành viên BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 11 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v Giới thiệu nhân sự bầu bổ sung 1 thành viên Ban kiểm soát,
nhiệm kỳ 2024 - 2029**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần May Nam Định**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần May Nam Định;

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần May Nam Định kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua danh sách nhân sự bầu bổ sung 1 thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029, cụ thể như sau:

Ứng viên đề cử bầu thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029:

Bà Hà Phương Chi

+ Ngày sinh: 26/12/2000

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng

+ Chức vụ hiện tại: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán - Tập đoàn DMVN

Thông tin chi tiết về ứng cử viên đã được gửi đến các cổ đông tại Đại hội, kính đề nghị Đại hội tiến hành thủ tục bầu cử thành viên Ban kiểm soát theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận :

- ĐHCĐ ;
- HĐQT, BKS ;
- Lưu VT, TK HĐQT

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Tân

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY NAM ĐỊNH**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ 01/01/2021.
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, có hiệu lực từ 01/01/2021.
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần May Nam Định, có hiệu lực từ 18/11/2025.
- Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần May Nam Định, ngày 11/04/2026.

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026 với một số nội dung chính sau:

1.1 Kết quả SXKD năm 2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh 2025/2024
1	Tổng tài sản	Tr.đ	367.055	388.622	409.330	111,51%
2	Doanh thu	Tr.đ	804.895	600.000	661.237	82,15%
3	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	92.380	95.770	100.811	109,13%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	11.897	8.400	12.595	105,87%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	2.460	2.504	2.636	107,15%
6	Cổ tức	%	10	10	15	150%
7	Lao động bình quân	Người	953	960	902	94,65%
8	Thu nhập bình quân	Trđ/ng	10.0	10.0	10.5	105%
9	Đầu tư	Tỷ đồng	10	29.9	8.1	81%



1.2 Một số chỉ tiêu SXKD chính năm 2026:

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026	So sánh với năm 2025
1	Tổng doanh thu - thu nhập	Trđ	670.000	101,33%
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	17.000	105%
3	Tỷ suất LNTT/VCSH bq	%	16%	100%
4	Tỷ lệ cổ tức	%	15%	150%
5	Vốn chủ sở hữu (bq)	trđ	100.811	100%
6	Vốn điều lệ	trđ	52.249	100%
7	Kim ngạch xuất khẩu hợp đồng	1000 USD	22.115	90%
8	Kim ngạch xuất khẩu tính đủ	1000 USD	22.115	90%
9	Lao động (bq)	Người	960	106%
10	Thu nhập (bq)	Trđ/người/tháng	10.50	100%
11	Tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân	%	102%	102%

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết tại thời điểm Đại hội lấy ý kiến biểu quyết.

2. Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát năm 2025 và kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2026

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết tại thời điểm Đại hội lấy ý kiến biểu quyết.

3. Thông qua tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT ngày 21/03/2026: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 và định hướng kiểm toán năm 2026

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết tại thời điểm Đại hội lấy ý kiến biểu quyết.

4. Thông qua tờ trình số 03/2026/TTr-HĐQT ngày 21/03/2026: Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết tại thời điểm Đại hội lấy ý kiến biểu quyết.

5. Thông qua tờ trình số 04/2026/TTr-HĐQT ngày 21/03/2026: Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết tại thời điểm Đại hội lấy ý kiến biểu quyết.

6. Thông qua tờ trình số 05/2026/TTr-HĐQT ngày 21/03/2026: Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết tại thời điểm Đại hội lấy ý kiến biểu quyết.

7. Thông qua tờ trình số 06/2026/TTr-HĐQT ngày 31/03/2026: V/v miễn nhiệm 1 thành viên BKS và bầu bổ sung 1 thành viên BKS

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết tại thời điểm Đại hội lấy ý kiến biểu quyết.

8. Thông qua tờ trình số 07/2026/TTr-HĐQT ngày 11/04/2026: Vv Giới thiệu nhân sự bầu bổ sung 1 thành viên BKS

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết tại thời điểm Đại hội lấy ý kiến biểu quyết.

9. Bầu cử bổ sung 1 thành viên BKS nhiệm kỳ 2024-2029

Bà Hà Phương Chi đã trúng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2024-2029 Số phiếu bầu cử nhận được 22 tờ phiếu, đạt tỷ lệ 100 % tổng số phiếu bầu cử dự họp và tham gia bầu cử tại thời điểm Đại hội tổ chức bầu cử.

10. Điều khoản thi hành:

Toàn văn nội dung Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí thông qua. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành các nội dung đã được thông qua theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026 của Công ty cổ phần May Nam Định tổ chức vào ngày 11/04/2026 sẽ được đăng tải trên Website: www.nagaco.com sau khi kết thúc đại hội

Nơi nhân:

- ĐHĐCD;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.



Phạm Văn Tân





CÔNG TY CỔ PHẦN MAY NAM ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 36

200
C
ICH
KIẾ
AN
FR

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Nam Định (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch
Ông Phạm Minh Đức	Thành viên
Ông Bùi Quang Dũng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Đức	Tổng Giám đốc
Bà Phí Thị Ngọc Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Minh Đức

Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 21 tháng 3 năm 2026

Số: 42/2026/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần May Nam Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Nam Định (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21/3/2026, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Nam Định tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Thị Hương Giang
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0388-2023-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hải Phòng, ngày 21 tháng 3 năm 2026

Bùi Thị Ngọc Chi
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
6034-2023-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		347.100.136.454	283.454.335.161
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	22.599.716.278	33.515.279.071
1. Tiền	111		3.599.716.278	7.515.279.071
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	26.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.000.000.000	16.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.1	15.000.000.000	16.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.527.083.393	110.415.107.191
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	141.421.784.237	101.865.902.362
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.272.060.352	3.691.447.267
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.1	3.833.238.804	4.857.757.562
IV. Hàng tồn kho	140		153.206.226.113	119.417.428.962
1. Hàng tồn kho	141	9.1	158.245.477.339	126.901.628.119
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	9.2	(5.039.251.226)	(7.484.199.157)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.767.110.670	4.106.519.937
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.1	773.702.260	709.410.574
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.498.404.930	3.397.109.363
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17.2	495.003.480	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		62.230.715.242	83.601.272.857
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.558.280.000	20.885.780.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	6.4	900.000.000	16.227.500.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.2	4.658.280.000	4.658.280.000
II. Tài sản cố định	220		29.053.535.636	35.648.712.406
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	27.692.801.717	34.295.366.558
- Nguyên giá	222		150.567.213.450	148.014.953.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(122.874.411.733)	(113.719.587.401)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.360.733.919	1.353.345.848
- Nguyên giá	228		2.774.085.000	2.377.450.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.413.351.081)	(1.024.104.152)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	-	-
- Nguyên giá	231		14.154.166.728	14.154.166.728
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.154.166.728)	(14.154.166.728)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.950.416.457	6.539.198.457
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	6.950.416.457	6.539.198.457
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.101.120.000	9.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.3	6.101.120.000	5.000.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6.2	4.000.000.000	4.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.567.363.149	11.527.581.994
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.2	9.977.569.129	11.380.991.970
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	589.794.020	146.590.024
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		409.330.851.696	367.055.608.018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN
 Đơn vị tính: VND
 01/01/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		308.519.553.539	274.675.545.654
I. Nợ ngắn hạn	310		280.155.084.449	236.209.577.564
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	45.696.779.340	23.302.323.036
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.737.220.376	3.566.453.971
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.1	2.967.031.089	1.507.338.345
4. Phải trả người lao động	314		23.845.173.537	23.104.310.159
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	2.942.462.284	449.249.337
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.686.938.165	1.634.715.023
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.1	194.315.675.545	182.638.149.566
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.963.804.113	7.038.127
II. Nợ dài hạn	330		28.364.469.090	38.465.968.090
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.2	28.364.469.090	38.465.968.090
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		100.811.298.157	92.380.062.364
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	100.811.298.157	92.380.062.364
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21a	52.249.170.000	47.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.249.170.000	47.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	66.910.599	66.910.599
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	15.384.106.117	15.384.106.117
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21b	33.111.111.441	29.429.045.648
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.515.769.662	17.531.599.972
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.595.341.779	11.897.445.676
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		409.330.851.696	367.055.608.018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Trang

Kế toán trưởng



Phạm Thị Ngân

Ninh Bình, ngày 21 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	661.508.276.276	804.895.415.372
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	270.881.859	1.459.259
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	661.237.394.417	804.893.956.113
4. Giá vốn hàng bán	11	24	600.014.835.784	731.834.127.290
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		61.222.558.633	73.059.828.823
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	12.655.319.601	15.593.003.610
7. Chi phí tài chính	22	26	18.607.252.772	23.894.348.241
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.461.434.548	14.648.623.165
8. Chi phí bán hàng	25	27.1	25.582.957.981	30.065.524.535
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.2	15.726.194.191	22.445.995.083
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		13.961.473.290	12.246.964.574
11. Thu nhập khác	31	28	4.502.287.029	10.502.562.965
12. Chi phí khác	32	29	2.326.967.698	7.939.153.248
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.175.319.331	2.563.409.717
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.136.792.621	14.810.374.291
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	3.984.654.838	2.714.892.483
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(443.203.996)	198.036.132
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		12.595.341.779	11.897.445.676
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.636	2.460

Người lập biểu



Nguyễn Thị Trang

Kế toán trưởng



Phạm Thị Ngân

Ninh Bình, ngày 21 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.136.792.621	14.810.374.291
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11,12	9.544.071.261	9.014.362.184
- Các khoản dự phòng	03	24	(2.444.947.931)	12.821.748
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.239.170.267	103.317.179
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25	(3.687.775.503)	(2.459.012.117)
- Chi phí lãi vay	06	26	11.461.434.548	14.648.623.165
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		32.248.745.263	36.130.486.450
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(43.572.381.525)	13.767.422.192
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(31.343.849.220)	57.898.746.867
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		27.426.456.522	(10.861.783.602)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.339.131.155	(3.125.683.030)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.475.775.370)	(14.887.894.599)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(2.638.880.153)	(2.000.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(207.340.000)	(2.710.030.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28.223.893.328)	74.211.264.278
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.476.956.491)	(9.173.642.539)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	29	-	117.154.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.300.000.000)	(37.417.300.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18.627.500.000	12.570.457.534
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.101.120.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.814.754.846	1.555.142.648
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.564.178.355	(32.348.187.811)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	15.756.113.599
2. Tiền thu từ đi vay	33		543.684.903.022	677.507.762.838
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(542.939.464.265)	(737.327.041.861)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21b	-	(3.150.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		745.438.757	(47.213.165.424)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(10.914.276.216)	(5.350.088.957)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	33.515.279.071	38.851.243.245
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.286.577)	14.124.783
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	22.599.716.278	33.515.279.071

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2025.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ninh Bình, ngày 21 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc

h

K



Nguyễn Thị Trang

Phạm Thị Ngân

Phạm Minh Đức

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần May Nam Định là công ty cổ phần trụ sở đặt tại Khu A, lô H1+H5 đường Phạm Ngũ Lão, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình, được chuyển đổi từ Công ty May Nam Định theo Quyết định số 202/2003/QĐ-BCN ngày 28/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600328515 lần đầu ngày 03/01/2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 17/11/2025 do Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình cấp.

Vốn điều lệ là 52.249.170.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 875 người (tại ngày 01/01/2025 là 953 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất, thương mại, dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, mua bán hàng dệt may xuất khẩu;
- Mua bán, xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị, phụ tùng công nghiệp phục vụ sản xuất hàng dệt may;
- Sản xuất quần áo cứu hộ, cứu nạn;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi;
- Hoạt động của trạm y tế.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:

Đơn vị	Địa chỉ	HĐKD chính
Các đơn vị trực thuộc		
1 Xí nghiệp May Xuân Trường	Tổ 3, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất hàng dệt may
2 Chi nhánh Hà Nội	Số 1003 Tầng 10, tòa nhà Giảng Võ Lake View, D10 Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội	Khai thác, tìm kiếm, phát triển đơn hàng, khách hàng

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: các thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang chi phí tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Đối với các khoản vay ngoại tệ thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá bán của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 31/12/2025 của từng ngân hàng như sau:

	Tỷ giá mua VND/USD	Tỷ giá bán VND/USD
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Định	26.085	26.377
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định	26.096	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Định	26.077	
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Nam Định	26.057	
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Định	26.090	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Nam Định	26.117	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội	26.117	

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 31/12/2024 của từng ngân hàng như sau:

	Tỷ giá mua VND/USD	Tỷ giá bán VND/USD
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Định	25.349	25.551
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Nam Định	25.305	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định	25.265	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Định	25.251	
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Nam Định	24.770	
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Định	25.310	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Nam Định	25.328	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội	25.285	

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng tổn thất đầu tư, nếu có.

Lãi tiền gửi, lãi trái phiếu phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***Các khoản cho vay:**

Phân ánh các khoản cho vay bằng kế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa hai bên có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng (dài hạn) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Lãi cho vay phát sinh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Là khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư được phân ánh theo giá gốc trừ dự phòng tổn thất đầu tư, nếu có. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ khoản đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi Công ty được quyền nhận, trừ trường hợp khoản cổ tức, lợi nhuận nhận được được xác định là phần thu hồi của khoản đầu tư.

Trong năm, Công ty đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định bằng cách mua cổ phần do Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định phát hành thêm để tăng vốn tương ứng với tỷ lệ sở hữu, số lượng cổ phiếu mua thêm là 110.112 cổ phiếu, trị giá 1.101.120.000 VND. Tại ngày 31/12/2025, khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định với tỷ lệ sở hữu 8,03% vốn điều lệ, tương ứng 6.101.120.000 VND. Năm 2025, Công ty đã ghi nhận cổ tức năm 2024 được chia từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định là 1.651.686.000 VND.

4.6 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu và chi phí sản xuất chung của sản phẩm trên các công đoạn sản xuất.

Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp giản đơn.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với thành phẩm tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

4.8 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 10

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định một số tài sản là máy móc thiết bị thuộc dây chuyền may liên tục, nếu để độc lập sẽ không tạo ra sản phẩm may hoàn chỉnh, mặc dù các tài sản này có nguyên giá chưa đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2025 của các tài sản này lần lượt là 9.043.873.369 VND và 9.009.196.621 VND.

4.9 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành từ mua sắm là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán và phần mềm quản lý ngành may, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 đến 08 năm.

4.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc tại số 46 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Nam Định (nay là phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình) thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Bất động sản đầu tư cho thuê đã khấu hao hết và còn cho thuê.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng để phục vụ cho mục đích sản xuất và quản lý, cũng như các chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này không được trích khấu hao trong giai đoạn đầu tư xây dựng; việc trích khấu hao chỉ được thực hiện kể từ thời điểm tài sản hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng.

4.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm:

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn do Công ty không thực hiện trích trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 60 tháng kể từ khi phát sinh;
- Chi phí mua bảo hiểm được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm của hợp đồng;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng kể từ khi phát sinh;
- Chi phí hỗ trợ sử dụng phần mềm Base được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng dịch vụ;
- Chi phí khác là chi phí mua vé máy bay, chi phí thuê nhà, chi phí gia hạn gói cước office 365, cước viễn thông, chi phí thiết kế website cho công ty,... được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 14 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.14 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay và theo nguyên tệ. Các khoản có thời gian trả nợ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

4.16 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay;
- Chi phí phạt đơn hàng 2025 của khách hàng C.F.L Enterprise Ltd được xác định theo báo nợ của khách hàng;
- Phí Other Charges 2% trừ vào invoice NGC-EXP2465 được ước tính dựa trên doanh thu gia công ghi nhận theo từng invoice;
- Tiền điện, nước, tiền xử lý nước thải, chi phí gia công và chi phí khác được ước tính dựa trên số tiền đã chi trả đầu năm 2026.

4.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế các cổ đông đã góp theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành. Trong năm, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 theo tỷ lệ 10:1 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQĐHĐCĐ-MNĐ ngày 26/4/2025 và các nghị quyết, thông báo liên quan. Số cổ phiếu đã phân phối cho cổ đông là 474.917 cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Thặng dư vốn cổ phần giảm trong năm là các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu nêu trên.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế còn lại của Công ty sau khi thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong năm, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQĐHĐCĐ-MNĐ ngày 26/4/2025.

4.18 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công: là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.**Doanh thu hoạt động tài chính** bao gồm lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu; cổ tức được chia và lãi chênh lệch tỷ giá, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay, trái phiếu và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.**4.19 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu phản ánh các khoản hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán phát sinh trong năm, nếu có, theo điều kiện hợp đồng và các chứng từ liên quan.

4.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa bán trong năm được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu và khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và lỗ chênh lệch tỷ giá, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.22 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, phí xuất hàng, quà tặng khách hàng và các chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong năm, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

4.23 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả và cơ sở tính thuế của các khoản mục này. Chi phí hoặc thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch phát sinh và hoàn nhập của tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.24 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 7, 16, 21, 36.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.209.867.521	395.497.285
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.389.848.757	7.119.781.786
Các khoản tương đương tiền (*)	19.000.000.000	26.000.000.000
Cộng	<u>22.599.716.278</u>	<u>33.515.279.071</u>

(*) Tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng được dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại 31/12/2025 là 10.000.000.000 VND (tại 01/01/2025 là 13.000.000.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND
6.1 Ngắn hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Nam	7.000.000.000	7.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đông Hà Nội	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương - CN Nam Định	3.000.000.000	3.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
6.2 Dài hạn	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Nam	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại các ngân hàng được dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại 31/12/2025 và tại 01/01/2025 là 16 tỷ VND.

6.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	6.101.120.000	-	5.000.000.000	-

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số lượng (CP)	Giá gốc (VND)	Số lượng (CP)	Giá gốc (VND)
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định	660.674	6.101.120.000	550.562	5.000.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

6.4 Phải thu về cho vay	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
Dài hạn	900.000.000		16.227.500.000	
Ông Vũ Văn Sử	300.000.000		300.000.000	
Bà Phạm Thị Ngân	300.000.000		300.000.000	
Ông Trần Trung Tuyển	300.000.000		-	
Ông Nguyễn Văn Vũ	-		127.500.000	
Công ty Cổ phần Nam Tiến Nam Định	-		15.500.000.000	
7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
Ngắn hạn	141.421.784.237		101.865.902.362	
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	111.797.438.042		81.288.701.709	
<i>Phoenix</i>	30.407.247.198		43.954.108.947	
<i>C.F.L Enterprise Ltd</i>	34.027.448.185		37.334.592.762	
<i>MGF sourcing far east</i>	25.335.084.683		-	
<i>Fusion sourcing limited</i>	22.027.657.976		-	
Các khoản phải thu của khách hàng khác	29.624.346.195		20.577.200.653	
Phải thu của khách hàng là bên liên quan	-		989.934.605	
<i>Công ty Cổ phần Nam Tiến Nam Định</i>	-		989.934.605	
8. PHẢI THU KHÁC	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
8.1 Ngắn hạn	3.833.238.804	-	4.857.757.562	-
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	520.057.534	-	545.912.877	-
Cổ tức được chia	-	-	1.101.124.000	-
Tạm ứng	3.039.290.000	-	2.596.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	189.960.000	-	135.960.000	-
Phải thu khác	83.931.270	-	478.760.685	-
8.2 Dài hạn	4.658.280.000	-	4.658.280.000	-
Ký cược, ký quỹ	4.658.280.000	-	4.658.280.000	-
9. HÀNG TỒN KHO	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	1.257.500.096	-	1.595.675.047	-
Nguyên liệu, vật liệu	46.731.525.123	-	29.202.514.095	-
Công cụ, dụng cụ	34.380.414	-	113.646.113	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.907.258.933	-	29.699.291.640	-
Thành phẩm	60.374.778.672	(5.039.251.226)	48.502.577.425	(7.484.199.157)
Hàng hóa	1.400.127.011	-	574.098.209	-
Hàng gửi đi bán	27.539.907.090	-	17.213.825.590	-
Cộng	158.245.477.339	(5.039.251.226)	126.901.628.119	(7.484.199.157)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

9.2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tại ngày 01 tháng 01	(7.484.199.157)	(7.471.377.409)
Trích lập dự phòng	-	(12.821.748)
Hoàn nhập dự phòng	2.444.947.931	-
Tại ngày 31 tháng 12	(5.039.251.226)	(7.484.199.157)
10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		
	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
10.1 Ngắn hạn	773.702.260	709.410.574
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	77.167.549	302.599.678
Chi phí bảo hiểm	147.358.751	150.242.919
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	91.641.473	162.487.977
Chi phí khác	457.534.487	94.080.000
10.2 Dài hạn	9.977.569.129	11.380.991.970
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.890.253.663	3.322.176.493
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	6.043.130.060	7.711.025.029
Chi phí sử dụng dịch vụ phần mềm Base	34.825.406	347.790.448
Chi phí khác	9.360.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

MẪU SỐ B09 - DN

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2025	58.208.416.814	65.136.152.592	16.645.096.010	1.847.644.870	6.177.643.673	148.014.953.959
Tăng trong năm	81.600.000	1.788.016.713	120.897.778	371.745.000	190.000.000	2.552.259.491
Mua sắm	81.600.000	1.788.016.713	120.897.778	371.745.000	190.000.000	2.552.259.491
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2025	58.290.016.814	66.924.169.305	16.765.993.788	2.219.389.870	6.367.643.673	150.567.213.450
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2025	52.264.368.588	45.071.443.205	9.884.129.282	1.353.429.537	5.146.216.789	113.719.587.401
Tăng trong năm	2.081.786.115	5.121.673.383	1.348.804.768	214.385.146	388.174.920	9.154.824.332
Khấu hao trong năm	2.081.786.115	5.121.673.383	1.348.804.768	214.385.146	388.174.920	9.154.824.332
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2025	54.346.154.703	50.193.116.588	11.232.934.050	1.567.814.683	5.534.391.709	122.874.411.733
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2025	5.944.048.226	20.064.709.387	6.760.966.728	494.215.333	1.031.426.884	34.295.366.558
Tại ngày 31/12/2025	3.943.862.111	16.731.052.717	5.533.059.738	651.575.187	833.251.964	27.692.801.717

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 89.917.010.765 VND (tại ngày 01/01/2025 là 81.718.987.345 VND).

Nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 của tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn cầm cố, thế chấp cho các khoản vay lần lượt là 19.767.744.189 VND và 7.340.547.356 VND (tại ngày 01/01/2025 lần lượt là 12.025.450.495 VND và 5.642.564.606 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2025	2.377.450.000	2.377.450.000
Tăng trong năm	396.635.000	396.635.000
Mua trong năm	396.635.000	396.635.000
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2025	2.774.085.000	2.774.085.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2025	1.024.104.152	1.024.104.152
Tăng trong năm	389.246.929	389.246.929
Khấu hao trong năm	389.246.929	389.246.929
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2025	1.413.351.081	1.413.351.081
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	1.353.345.848	1.353.345.848
Tại ngày 31/12/2025	1.360.733.919	1.360.733.919

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 367.290.000 VND và tại ngày 01/01/2025 là 143.850.000 VND.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2025
BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ				
Nguyên giá	14.154.166.728	-	-	14.154.166.728
Nhà cửa, vật kiến trúc	14.154.166.728	-	-	14.154.166.728
Giá trị hao mòn lũy kế	14.154.166.728	-	-	14.154.166.728
Nhà cửa, vật kiến trúc	14.154.166.728	-	-	14.154.166.728
Giá trị còn lại	-	-	-	-
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tại ngày 01 tháng 01	6.539.198.457	5.664.010.790
Tăng trong năm	807.853.000	875.187.667
Xây dựng cơ bản	411.218.000	875.187.667
Mua sắm tài sản cố định	396.635.000	-
Giảm trong năm	396.635.000	-
Kết chuyển sang tài sản cố định	396.635.000	-
Tại ngày 31 tháng 12 (*)	6.950.416.457	6.539.198.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

(*) bao gồm:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Dự án Nhà máy NAGACO Quỳnh Lưu (**)	6.114.966.457	5.818.698.457
Sửa chữa Nhà máy Hòa Xá	720.500.000	720.500.000
Showroom - phòng họp	54.950.000	-
Cải tạo sửa chữa trụ sở và trung tâm phát triển mẫu	60.000.000	-
Cộng	6.950.416.457	6.539.198.457

(**) Là dự án Nhà máy NAGACO Quỳnh Lưu được chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 và Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Mục tiêu dự án là cung cấp các sản phẩm may mặc (trang phục áo, quần, đồ bảo hộ lao động) phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Quy mô sản xuất: 2.000.000 sản phẩm/năm. Địa điểm thực hiện: tại Xã Quỳnh Văn, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An. Diện tích đất sử dụng dự kiến: 30.082,4 m², trong đó có 27.908,4 m² đất sản xuất nông nghiệp (hiện trạng là đất trồng lúa) và 2.174,0 m² đất bằng chưa sử dụng do UBND Xã Quỳnh Văn quản lý. Tổng vốn đầu tư của dự án: 155.276.000.000 VND, trong đó: vốn tự có là 38.819.000.000 VND chiếm 25% tổng vốn đầu tư dự án và vốn vay là 116.457.000.000 VND chiếm 75% tổng vốn đầu tư dự án. Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư. Dự án đang trong quá trình thực hiện các thủ tục pháp lý, dự kiến Quý I/2027 hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

15. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	589.794.020	146.590.024
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại: 20%</i>		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	589.794.020	146.590.024

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	45.696.779.340	45.696.779.340	23.302.323.036	23.302.323.036
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	30.364.152.284	30.364.152.284	14.601.268.342	14.601.268.342
Công ty TNHH Dệt nhuộm Khánh Nghiệp Việt Nam	21.705.464.434	21.705.464.434	10.890.035.927	10.890.035.927
Công ty Cổ phần Nam Tiến Nam Định	8.658.687.850	8.658.687.850	3.711.232.415	3.711.232.415
Phải trả cho các đối tượng khác	15.332.627.056	15.332.627.056	8.701.054.694	8.701.054.694
Phải trả người bán là các bên liên quan	8.658.687.850	8.658.687.850	3.711.232.415	3.711.232.415
Công ty Cổ phần Nam Tiến Nam Định	8.658.687.850	8.658.687.850	3.711.232.415	3.711.232.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	51.298.443	51.298.443	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	68.992.208	68.992.208	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.338.880.153	3.984.654.838	2.638.880.153	2.684.654.838
Thuế thu nhập cá nhân	168.458.192	1.665.311.342	1.577.291.439	256.478.095
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	859.993.620	1.354.997.100	(495.003.480)
Các loại thuế, phí khác	-	44.094.842	18.196.686	25.898.156
Cộng	1.507.338.345	6.674.345.293	5.709.656.029	2.472.027.609
Trong đó:				
17.1 Phải nộp	1.507.338.345			2.967.031.089
17.2 Phải thu	-			495.003.480

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	2.942.462.284	449.249.337
Chi phí phạt đơn hàng 2025 của khách hàng C.F.L Enterprise Ltd	1.582.620.000	-
Phí Other Charges 2% trừ vào invoice NGC-EXP2465	971.734.675	-
Lãi vay phải trả	216.767.906	231.108.728
Tiền điện, nước, tiền xử lý nước thải	56.100.480	115.892.395
Chi phí gia công	62.853.690	36.375.314
Chi phí khác	52.385.533	65.872.900

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	1.686.938.165	1.634.715.023
Kinh phí công đoàn	235.052.816	-
Cổ tức phải trả	670.190.125	670.190.125
Nhận ký quỹ, ký cược	-	162.000.000
Tiền cơm ca	216.252.000	238.158.000
Phải trả thuế TNCN của người lao động	245.443.224	244.095.988
Khoản phạt vi phạm hành chính phải nộp	320.000.000	-
Các khoản khác	-	320.270.910

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
20.1 Ngắn hạn	194.315.675.545	182.638.149.566
Các khoản vay	194.315.675.545	182.638.149.566
20.2 Dài hạn	28.364.469.090	38.465.968.090
Các khoản vay	28.364.469.090	38.465.968.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
a. Các khoản vay		VND		VND	VND
Vay ngắn hạn	182.638.149.566	182.638.149.566	549.616.990.244	537.939.464.265	194.315.675.545
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Nam (1)	89.811.654.796	89.811.654.796	300.906.189.010	249.215.168.691	141.502.675.115
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định (1)	86.587.618.770	86.587.618.770	213.957.529.696	258.757.285.456	41.787.863.010
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	29.545.271.538	23.728.134.118	5.817.137.420
Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Nam (2)	6.238.876.000	6.238.876.000	5.208.000.000	6.238.876.000	5.208.000.000
Vay dài hạn	38.465.968.090	38.465.968.090	106.501.000	10.208.000.000	28.364.469.090
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Nam (2)	11.865.968.090	11.865.968.090	106.501.000	5.208.000.000	6.764.469.090
Các cá nhân (3)	26.600.000.000	26.600.000.000	-	5.000.000.000	21.600.000.000
Cộng	221.104.117.656	221.104.117.656	549.723.491.244	548.147.464.265	222.680.144.635

(1) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được rút bằng USD, chịu lãi suất căn cứ theo thoả thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo của các Ngân hàng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(2) Ngoài các TSCĐ cầm cố thế chấp khoản vay trình bày tại thuyết minh số 11, các tài sản cầm cố thế chấp khoản vay quy định tại:

- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 03/2025/232412/HĐBĐ ngày 24/4/20225 là Hợp đồng thuê đất số 21/2005/HĐ-Đ ngày 07/4/2005 và Hợp đồng thuê đất số 108/2005/HĐ-Đ ngày 02/12/2005 giữa Công ty với UBND tỉnh Nam Định (củ);
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 10/2022/232412/HĐBĐ ngày 13/10/2022 là toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 463818, số vào sổ cấp GCN là CT 03298 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định (củ) cấp ngày 02/8/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***Chi tiết các hợp đồng vay dài hạn còn số dư tại ngày 31/12/2025:****(2.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2023/232412/HĐTD ngày 19/4/2023**

Mục đích vay	: Đầu tư máy móc thiết bị năm 2023 phục vụ sản xuất kinh doanh.
Số tiền cho vay	: 21.230.000.000 VND.
Thời hạn vay	: 60 tháng.
Thời gian ân hạn	: 3 tháng.
Lãi suất vay	: Lãi suất ngày giải ngân là 11%/năm áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng, lãi suất được tính bằng: lãi suất tiền gửi niêm yết dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng theo niêm yết của BIDV cộng (+) 4%.
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.
Trả gốc	: Theo lịch trả nợ.
Trả lãi	: Định kỳ ngày 20 hàng tháng.
Số dư vay tại 31/12/2025	: 6.469.494.354 VND.
Số phải trả trong năm 2026	: 3.528.000.000 VND.

(2.2) Hợp đồng tín dụng số 01/2024/232412/HĐTD ngày 12/3/2024

Mục đích vay	: Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.
Số tiền cho vay	: 12.909.000.000 VND.
Thời hạn vay	: 60 tháng.
Thời gian ân hạn	: 3 tháng.
Lãi suất vay	: Lãi suất 8,3%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.
Trả gốc	: Theo lịch trả nợ.
Trả lãi	: Định kỳ ngày 20 hàng tháng.
Số dư vay tại 31/12/2025	: 5.502.974.736 VND.
Số phải trả trong năm 2026	: 1.680.000.000 VND.

(3) Hợp đồng vay với các cá nhân có thời hạn trên 03 năm, lãi suất 8%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh.**b. Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:**

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Đơn vị tính: VND	
			Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Tại ngày 31/12/2025				
Vay ngân hàng	11.972.469.090	5.208.000.000	6.764.469.090	-
Vay cá nhân	21.600.000.000	-	21.600.000.000	-
Cộng	33.572.469.090	5.208.000.000	28.364.469.090	-
Tại ngày 01/01/2025				
Vay ngân hàng	18.104.844.090	6.238.876.000	11.865.968.090	-
Vay cá nhân	26.600.000.000	-	26.600.000.000	-
Cộng	44.704.844.090	6.238.876.000	38.465.968.090	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MÃ SỐ B09 - DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	31.500.000.000	310.797.000	15.384.106.117	23.201.015.646	70.395.918.763
Tăng trong năm trước	16.000.000.000	-	-	11.897.445.676	27.897.445.676
Tăng vốn	16.000.000.000	-	-	-	16.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	11.897.445.676	11.897.445.676
Giảm trong năm trước	-	243.886.401	-	5.669.415.674	5.913.302.075
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	5.669.415.674	5.669.415.674
Chi phí tăng vốn	-	243.886.401	-	-	243.886.401
Số đầu năm nay	47.500.000.000	66.910.599	15.384.106.117	29.429.045.648	92.380.062.364
Tăng trong năm nay	4.749.170.000	-	-	12.595.341.779	17.344.511.779
Tăng vốn bằng cách chia cổ tức bằng cổ phiếu	4.749.170.000	-	-	-	4.749.170.000
Lãi trong năm	-	-	-	12.595.341.779	12.595.341.779
Giảm trong năm nay	-	-	-	8.913.275.986	8.913.275.986
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	8.913.275.986	8.913.275.986
Số cuối năm nay	52.249.170.000	66.910.599	15.384.106.117	33.111.111.441	100.811.298.157

Đơn vị tính: VND

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	14.928.100.000	14.928.100.000	13.571.000.000	13.571.000.000
Ông Phạm Duy Hạnh	7.279.980.000	7.279.980.000	6.618.170.000	6.618.170.000
Ông Phạm Minh Đức	865.640.000	865.640.000	786.950.000	786.950.000
Bà Phí Thị Ngọc Hoa	330.070.000	330.070.000	300.070.000	300.070.000
Ông Bùi Quang Dũng	264.130.000	264.130.000	240.130.000	240.130.000
Các cổ đông khác	28.581.250.000	28.581.250.000	25.983.680.000	25.983.680.000
Cộng	52.249.170.000	52.249.170.000	47.500.000.000	47.500.000.000

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	47.500.000.000	31.500.000.000
Tăng trong năm	4.749.170.000	16.000.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (*)	4.749.170.000	-
Tăng bằng tiền	-	16.000.000.000
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	52.249.170.000	47.500.000.000

(*) Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQĐHĐCĐ-MNĐ ngày 26/4/2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2025/NQ-HĐQT ngày 25/9/2025. Thông báo số 112-2025/CV-NJC ngày 14/10/2025, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 theo tỷ lệ 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu). Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 03/11/2025 thông báo về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024, số cổ phiếu phân phối cho cổ đông là 474.917 cổ phiếu, số cổ phiếu xử lý phần lẻ cổ phần là 83 cổ phiếu.

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	29.429.045.648	23.201.015.646
Tăng trong năm	12.595.341.779	11.897.445.676
Lãi trong năm	12.595.341.779	11.897.445.676
Giảm trong năm	8.913.275.986	5.669.415.674
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	4.749.170.000	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.164.105.986	2.519.415.674
Chia cổ tức bằng tiền	-	3.150.000.000
Tại ngày 31 tháng 12	33.111.111.441	29.429.045.648

c. Cổ phiếu	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.224.917	4.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.224.917	4.750.000
Cổ phiếu phổ thông	5.224.917	4.750.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.224.917	4.750.000
Cổ phiếu phổ thông	5.224.917	4.750.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

Thông báo số 7262/UBCK-QLCB ngày 10/11/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, số cổ phiếu công ty đã phân phối cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức là 474.917 cổ phiếu. Theo Quyết định số 1426/QĐ-SGDHN ngày 05/12/2025, số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch bổ sung là 474.917 cổ phiếu, hiệu lực từ ngày 10/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản nhận giữ hộ	ĐVT	31/12/2025		01/01/2025	
		Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công			6.222.253.881		2.515.602.511
Vải	m ²	68.935,71	5.434.334.953	30.225,34	1.422.272.450
Chỉ và phụ liệu khác	m	5.134.045,36	111.224.803	14.847,28	109.906.064
Cúc và phụ liệu khác	bộ	17,00	14.460	329.109,00	242.744.687
Khóa và phụ liệu khác	chiếc	354.485,00	570.828.714	503.987,02	740.124.025
Mex	m	5.184,98	105.850.951	37,53	555.285

<u>Ngoại tệ các loại</u>	31/12/2025	01/01/2025
Đô la Mỹ (USD)	11.691,43	25.589,62

<u>Nợ khó đòi đã xử lý</u>	31/12/2025		01/01/2025	
	USD	VND	USD	VND
Công ty TNHH Công nghiệp và Thương mại Toàn Thắng	-	121.000.000	-	121.000.000
Sitop	25.547,60	575.582.146	25.547,60	575.582.146
MGF Sourcing US, LLC	36.914,85	853.085.876	36.914,85	853.085.876
J CREW OPERATING CORP	1.130.714,10	25.993.621.110	1.130.714,10	25.993.621.110

23. DOANH THU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	661.508.276.276	804.895.415.372
Doanh thu bán hàng hóa	2.557.682.821	694.052.966
Doanh thu bán thành phẩm	655.975.869.445	801.692.655.663
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.782.707.130	2.324.480.780
Doanh thu khác	1.192.016.880	184.225.963
Các khoản giảm trừ doanh thu	270.881.859	1.459.259
Hàng bán bị trả lại	270.881.859	1.459.259
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	661.237.394.417	804.893.956.113

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.268.851.284	1.886.380.599
Giá vốn thành phẩm đã bán	600.038.442.631	729.934.924.943
Giá vốn khác	1.152.489.800	-
Hoàn nhập/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.444.947.931)	12.821.748
Cộng	600.014.835.784	731.834.127.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	2.036.089.503	1.500.768.640
Cổ tức được chia	1.651.686.000	1.101.124.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.967.544.098	12.991.110.970
Cộng	12.655.319.601	15.593.003.610

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	11.461.434.548	14.648.623.165
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.145.818.224	9.245.725.076
Cộng	18.607.252.772	23.894.348.241

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng	25.582.957.981	30.065.524.535
Chi phí nhân viên	3.636.649.215	9.527.081.294
Chi phí vật liệu	1.805.616	5.481.348.307
Chi phí khác	21.944.503.150	15.057.094.934
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.726.194.191	22.445.995.083
Chi phí nhân viên	7.401.703.330	8.546.597.908
Chi phí khấu hao	1.380.432.073	1.291.574.334
Chi phí khác	6.944.058.788	12.607.822.841

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường thu được	3.858.969.687	6.772.171.332
Giảm công nợ do không phải thanh toán	147.729.932	1.424.813.359
Tiền thu thanh lý CCDC	-	1.680.419.200
Các khoản khác	495.587.410	625.159.074
Cộng	4.502.287.029	10.502.562.965

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	-	260.035.069
Giá trị thu hồi từ thanh lý TSCĐ	-	(117.154.546)
Phạt thuế, chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	631.870.582	71.680.557
Các khoản bị phạt hợp đồng	74.466.512	7.656.196.445
Chi phí phạt đơn hàng 2025 của khách hàng C.F.L Enterprise Ltd	1.582.620.000	-
Các khoản khác	38.010.604	68.395.723
Cộng	2.326.967.698	7.939.153.248

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	372.091.412.800	340.717.830.770
Chi phí nhân công	146.859.234.558	150.932.954.332
Chi phí khấu hao	9.544.071.261	9.014.362.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	126.259.126.224	213.247.520.736
Cộng	654.753.844.843	713.912.668.022

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	16.136.792.621	14.810.374.291
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	23.847.802.692	14.376.499.069
Giá vốn tính thuế năm trước chuyển sang	3.684.449.003	8.384.319.356
Doanh thu tính thuế năm nay ghi nhận năm sau	16.939.740.759	4.417.399.125
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	264.000.000	228.000.000
Lỗ CLTG đánh giá lại của tiền, phải thu năm nay	409.602.338	-
Lãi CLTG của tiền, phải thu năm trước	719.387.809	11.776.361
Chi phí không được trừ khác	1.830.622.783	1.335.004.227
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	20.061.321.125	15.612.410.947
Cổ tức được chia	1.651.686.000	1.101.124.000
Giá vốn tính thuế năm nay ghi nhận năm sau	13.992.236.000	3.684.449.003
Doanh thu tính thuế năm trước chuyển sang	4.417.399.125	10.107.450.135
Lỗ CLTG đánh giá lại của tiền, phải thu năm trước	-	-
Lãi CLTG đánh giá lại của tiền, phải thu năm nay	-	719.387.809
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	19.923.274.188	13.574.462.413
Thuế suất thuế TNDN hiện hành (5)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (6)=(4)*(5)	3.984.654.838	2.714.892.483

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(443.203.996)	198.036.132
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Cộng	(443.203.996)	198.036.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	<u>Năm 2025</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	12.595.341.779	11.897.445.676
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2a)</i>		-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (2b)</i>		4.164.105.986
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	12.595.341.779	7.733.339.690
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	4.778.625	3.143.014
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	2.636	2.460

Trong năm, công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQĐHĐCĐ-MNĐ ngày 26/4/2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2025/NQ-HĐQT ngày 25/9/2025. Thông báo số 112-2025/CV-NJC ngày 14/10/2025, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 theo tỷ lệ 10 : 1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu). Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 03/11/2025 thông báo về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024, số cổ phiếu phân phối cho cổ đông là 474.917 cổ phiếu, số cổ phiếu xử lý phần lẻ cổ phần là 83 cổ phiếu. Theo Thông báo số 7262/UBCK-QLCB ngày 10/11/2025 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước, số cổ phiếu công ty đã phân phối cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức là 474.917 cổ phiếu. Theo quyết định số 1426/QĐ-SGDHN ngày 05/12/2025, số lượng cổ phiếu đang ký giao dịch bổ sung là 474.917 cổ phiếu, hiệu lực từ ngày 10/12/2025.

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2024 là do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQĐHĐCĐ-MNĐ ngày 26/4/2025.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 có thể thay đổi sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

34. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mã số 21 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác không bao gồm khoản ứng trước cho nhà cung cấp mua sắm, xây dựng TSCĐ năm trước là 136.200.000 VND và bao gồm khoản ứng trước cho nhà cung cấp mua sắm, xây dựng TSCĐ năm sau là 253.044.000 VND.

Mã số 33 - Tiền thu từ đi vay không bao gồm khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm là 830.588.222 VND và khoản phân loại lại là 5.208.000.000 VND.

Mã số 34 - Tiền trả nợ gốc vay không bao gồm khoản phân loại lại là 5.208.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

36. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty CP Nam Tiên Nam Định	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Bán hàng hoá		2.379.171.213	3.121.456.906
Cung cấp dịch vụ		3.180.000	-
Thuế GTGT đầu ra		190.588.097	280.954.552
Bù trừ phải thu và phải trả		-	1.592.426.853
Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ, lãi cho vay		3.618.520.365	820.050.000
Thuê gia công, thuê máy, mua phụ liệu		42.322.688.434	89.478.467.119
Thuế GTGT đầu vào		3.385.815.034	7.158.277.242
Trả tiền		40.716.404.073	111.872.816.053
Cho vay		-	15.500.000.000
Trả tiền vay		15.500.000.000	-
Lãi vay phải thu		100.290.410	-
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể		
Chia cổ tức		-	900.000.000
Trả cổ tức		-	900.000.000
Ông Phạm Minh Đức	Tổng Giám đốc		
Chia cổ tức		-	52.189.000
Trả cổ tức		-	52.189.000
Bà Phí Thị Ngọc Hoa	Phó Tổng Giám đốc		
Chia cổ tức		-	19.900.000
Trả cổ tức		-	19.900.000
Ông Bùi Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc		
Chia cổ tức		-	15.925.000
Trả cổ tức		-	15.925.000
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Tổng Giám đốc		917.622.524	869.837.000
Người quản lý khác		1.855.538.806	2.894.648.895

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 02 bộ phận hoạt động: bộ phận sản xuất và bộ phận dịch vụ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 02 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 02 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận sản xuất: sản xuất, gia công và phân phối hàng may mặc;
- Bộ phận dịch vụ: cho thuê tài sản hoạt động và các dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025

	Sản xuất	Dịch vụ	Đơn vị tính: VND Cộng
Tài sản			
Tài sản bộ phận	409.076.815.896	-	409.076.815.896
Tài sản không phân bổ			-
Cộng			409.076.815.896
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	308.265.517.739	-	308.265.517.739
Nợ phải trả không phân bổ			-
Cộng			308.265.517.739

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

	Sản xuất	Dịch vụ	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu thuần	658.262.670.407	2.974.724.010	661.237.394.417
Giá vốn hàng bán	598.862.345.984	1.152.489.800	600.014.835.784
Chi phí không phân bổ			41.309.152.172
Doanh thu hoạt động tài chính			12.655.319.601
Chi phí tài chính			18.607.252.772
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			13.961.473.290
Lãi (lỗ) khác			2.175.319.331
Lợi nhuận trước thuế			16.136.792.621
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			3.541.450.842
Lợi nhuận sau thuế			12.595.341.779

Chi phí và lợi nhuận không tập hợp được từng bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024

	Sản xuất	Dịch vụ	Đơn vị tính: VND Cộng
Tài sản			
Tài sản bộ phận	367.055.608.018	-	367.055.608.018
Tài sản không phân bổ			-
Cộng			367.055.608.018
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	274.675.545.654	-	274.675.545.654
Nợ phải trả không phân bổ			-
Cộng			274.675.545.654

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

	Sản xuất	Dịch vụ	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu thuần	802.385.249.370	2.508.706.743	804.893.956.113
Giá vốn hàng bán	731.834.127.290	-	731.834.127.290
Chi phí không phân bổ			52.511.519.618
Doanh thu hoạt động tài chính			15.593.003.610
Chi phí tài chính			23.894.348.241
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			12.246.964.574
Lãi (lỗ) khác			2.563.409.717
Lợi nhuận trước thuế			14.810.374.291
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			2.912.928.615
Lợi nhuận sau thuế			11.897.445.676

Chi phí và lợi nhuận không tập hợp được từng bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Trang

Kế toán trưởng



Phạm Thị Ngân

Ninh Bình, ngày 21 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Đức